

Sự phân phối chú ý của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi trong hoạt động làm quen với biểu tượng toán ban đầu

Phùng Phương Thảo*

*Khoa Giáo dục, Trường Đại học Sài Gòn

Received: 16/11/2023; Accepted: 6/1/2024; Published: 12/1/2024

Abstract: Research on the attention distribution of children aged 5-6 in childhood activities with original math symbols is carried out using a system of exercises and observations. Research results show that children show a high level of attention distribution to activities, but still have difficulties, reflected in reduced task performance (reduced performance and task execution time).

Keywords: Attention; preschool children's attention; preschool children aged 5-6; Attention distribution; original math symbols.

1. Đặt vấn đề

Chú ý là một cấu trúc phức tạp, bao gồm nhiều chức năng khác nhau như: sự tập trung, sự duy trì, sự phân phối và sự di chuyển chú ý. Chú ý là điều kiện để tiến hành hoạt động nhận thức, giúp cho hoạt động được thực hiện một cách có ý thức và có kết quả. Đặc biệt, đối với trẻ MG, chú ý giúp mở rộng vốn hiểu biết, gia tăng chất lượng của hoạt động nhận thức, tạo nên sự phát triển nhanh chóng về mặt trí tuệ ở trẻ.

Giai đoạn 5-6 tuổi được xem là cột mốc quan trọng trong sự phát triển chú ý, thể hiện ở sự phát triển mạnh các chức năng kể trên. Tuy vậy, sự duy trì và sự phân phối chú ý của trẻ trong giai đoạn này vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Các nghiên cứu về sự phân phối chú ý của trẻ cho kết luận, trẻ trong giai đoạn cuối tuổi MG đã có sự phát triển trong phân phối chú ý nhưng trẻ vẫn còn khá khó khăn trong phân phối chú ý so với tuổi đi học và người trưởng thành. Khả năng phân phối chú ý phát triển theo lứa tuổi, trẻ nhỏ tuổi hơn mắc nhiều sai sót hơn khi thực hiện nhiệm vụ (NV) kép.

Hoạt động làm quen (HDLQ) với BTTBĐ là hoạt động quan trọng của trẻ lứa tuổi này tại trường mầm non (MN). Trong quá trình tham gia hoạt động, sự thể hiện chú ý của trẻ sẽ giúp gia tăng hiệu suất thực hiện NV. Làm quen với BTTBĐ được cho là hoạt động khó thu hút trẻ, giáo viên thường phải dùng nhiều biện pháp và kỹ thuật khác nhau để hướng dẫn trẻ. Tuy nhiên, cùng với những hạn chế trong sự phát triển chú ý của trẻ ở giai đoạn này, trẻ sẽ thể hiện sự chú ý ra sao đối với hoạt động? Bài viết, tác giả làm rõ sự thể hiện phân phối chú ý của trẻ MG 5-6 tuổi trong HDLQ với BTTBĐ.

2. Nội dung và kết quả nghiên cứu

2.1. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành trên 78 trẻ MG 5-6 tuổi thuộc các trường mầm non (MN) trên địa bàn TP Hồ Chí Minh: Trường MN tư thục Bambi – K300 (quận Tân Bình), trường MN tư thục Hồng Ân (quận Gò Vấp), trường MN 24B (quận Bình Thạnh) và trường MN Sơn Ca (quận 5).

Phương pháp nghiên cứu: Đo lường sự phân phối chú ý của trẻ MG 5-6 tuổi trong HDLQ với BTTBĐ được thực hiện dựa trên việc ghi nhận các biểu hiện của sự phân phối chú ý của trẻ thể hiện trong các NV làm quen với BTTBĐ được thiết kế trong nghiên cứu. Các nhiệm vụ được trình bày dưới dạng trò chơi học tập, tương tác trực quan trên phần mềm powerpoint của máy tính hoặc làm trực tiếp trên giấy.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Sự phân phối chú ý của trẻ MG 5-6 tuổi trong HDLQ với BTTBĐ

Bảng 2.1. Sự phân phối chú ý của trẻ MG 5-6 tuổi trong HDLQ với BTTBĐ

Mức độ	Số lượng	Tần số (%)	ĐTB	ĐLC
Rất thấp	0	0	6,210	1,384
Thấp	5	6,4		
Trung bình	30	38,5		
Cao	39	50		
Rất cao	4	5,1		
Tổng	78	100		

Nhận xét: ĐTB phân phối chú ý trong HDLQ với toán của trẻ MG 5-6 tuổi là 6,210 (ĐLC = 1,384). Kết quả này thể hiện sự phân phối chú ý của trẻ trong hoạt động đạt mức cao. Trong số đó có 6,4% trẻ thể hiện ở mức thấp, 38,5% trẻ thể hiện ở mức trung bình, 50% trẻ thể hiện ở mức cao, và đặc biệt có 5,1% trẻ thể hiện

ở mức rất cao. Như vậy, phần lớn trẻ (88,5%) thể hiện sự phân phối chú ý trong hoạt động từ mức trung bình đến cao, cá biệt có một số trẻ thể hiện ở mức rất cao. Điều này cho thấy, trẻ 5-6 tuổi có khả năng phân phối sự tập trung chú ý trong HDLQ với BTTBĐ. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy sự phát triển chú ý của trẻ giai đoạn này.

2.2.2. Sự phân phối chú ý của trẻ MG 5-6 tuổi trong LQVBTTBĐ thể hiện qua các NV

Đo lường sự phân phối chú ý trong hoạt động LQVBTTBĐ được thực hiện thông qua hai bài tập “Tìm đường đi của ếch” và “Nhiều hơn, ít hơn”. Bài tập “Tìm đường đi của ếch” có nội dung liên quan đến biểu tượng số, màu sắc và sắp xếp theo qui tắc 2 đến 3 đối tượng. Trong khi đó, bài tập “Nhiều hơn, ít hơn” có nội dung liên quan đến số lượng, đếm và so sánh về số lượng. Cả hai bài tập đều được thiết kế để có thể đo lường khả năng phân phối chú ý của trẻ trong một NV LQVBTTBĐ. Kết quả nghiên cứu được phân tích trong các nội dung sau đây.

* Bài tập “Tìm đường đi của ếch” được thực hiện qua 3 NV. NV 1 trẻ nối số theo thứ tự từ 1 đến 10 tạo thành đường đi cho ếch. NV 2, trẻ nối số xen kẽ màu đỏ và xanh theo thứ tự từ số 1 đến số 10. NV 3, nối số xen kẽ 3 màu đỏ, xanh, hồng theo thứ tự từ số 1 đến số 10. NV 2 và 3 thể hiện sự phân phối chú ý của trẻ. NV 1 được dùng để so sánh với NV 2 và 3 – khi trẻ có sự phân phối chú ý. Do đó, đánh giá sự phân phối chú ý của trẻ chỉ được tính toán trên nhiệm vụ 2 và 3 của bài tập này. Ở mỗi NV, trẻ được bấm thời gian tính giờ làm bài (theo giây). Kết quả mỗi NV được đánh giá dựa trên số lượng câu trả lời chính xác khi làm bài và thời gian hoàn thành NV. Kết quả thực hiện NV được trình bày trong bảng dưới:

Bảng 2.2. Sự phân phối chú ý của trẻ MG5-6 tuổi thể hiện trong bài tập “Tìm đường đi của ếch”

Bài tập “Tìm đường đi của ếch” ĐTB = 6,186 ĐLC = 1,344						
Nhiệm vụ		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	Sig
Phân phối chú ý trong bài tập	Nhiệm vụ 1	6,186	1,344	8,115	1,486	0,000
	Nhiệm vụ 2	8,115	1,486	6,609	1,664	0,000
	Nhiệm vụ 3			5,763	1,416	0,000
Nhiệm vụ 2	Nhiệm vụ 3	6,609	1,664	5,763	1,416	0,000

Kiểm nghiệm Paired Samples T-Test, $\alpha = 95\%$

Bảng số liệu trên mô tả sự khác biệt hiệu suất khi thực hiện nhiệm vụ. Kết quả cho thấy, nhiệm vụ 1 có ĐTB = 8,115 (ĐLC = 1,486). Nhiệm vụ 2 có ĐTB = 6,609 (ĐLC = 1,664). ĐTB của nhiệm vụ 3 là 5,763 (ĐLC = 1,416). Như vậy, có thể thấy NV 3 có ĐTB

thấp nhất, xếp ở mức trung bình. NV 2 có ĐTBcao hơn nhiệm vụ 3 nhưng thấp hơn nhiều so với nhiệm vụ 1 (nhiệm vụ 1 là nhiệm vụ trẻ chưa yêu cầu phân phối chú ý). Các khác biệt này có ý nghĩa thống kê, với $\text{sig} = 0,000$ ở tất cả các so sánh. Điều này cho thấy, khi trẻ phải thực hiện một NV đòi hỏi sự phân phối chú ý, hiệu suất NV của trẻ giảm xuống. Đặc biệt, khi phân phối chú ý cho 3 đối tượng (nhiệm vụ 3) thì kết quả phân phối chú ý của trẻ giảm xuống so với khi trẻ chỉ phân phối chú ý cho 2 đối tượng (nhiệm vụ 2) hoặc khi trẻ không phân phối chú ý (NV 1). Khi phân phối chú ý cho 3 đối tượng, khả năng phân phối chú ý của trẻ chỉ đạt ở mức trung bình. Việc phân phối chú ý cho hai đối tượng cũng gây ra khó khăn hơn với trẻ so với khi không phân phối chú ý. Kết quả của việc phân phối chú ý trong NV (thể hiện qua tổng điểm NV 2 và 3) so với thực hiện NV không có sự phân phối chú ý (NV 1) trong bài tập có sự khác biệt đáng kể. ĐTB NV 1 là 8,115 (ĐLC = 1,486) so với ĐTB phân phối chú ý trong bài tập là 6,186 (ĐLC = 1,344), khác biệt có ý nghĩa ($\text{sig} = 0,000$). Như vậy, hiệu suất NV giảm xuống khi trẻ thực hiện việc phân phối chú ý trong NV.

Để có thể thấy được sự khác nhau trong kết quả trả lời và thời gian hoàn thành NV, xem trình bày bảng dưới:

Bảng 2.3. So sánh kết quả trả lời và thời gian hoàn thành các NV của bài tập “Tìm đường đi của ếch”

Bài tập “Tìm đường đi của ếch”						
Các biến kiểm định		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	Sig
Kết quả trả lời NV 1	Thời gian nhiệm vụ 1	9,641	1,258	6,590	2,540	0,000
Kết quả trả lời NV 2	Thời gian nhiệm vụ 2	8,526	1,763	4,692	2,451	0,000
Kết quả trả lời nhiệm v NV 3	Thời gian nhiệm vụ 3	8,269	2,105	3,256	1,990	0,000
Kết quả trả lời NV 1	Kết quả trả lời nhiệm vụ 2	9,641	1,258	8,526	1,763	0,000
	Kết quả trả lời nhiệm vụ 3			8,269	2,105	0,000
Kết quả trả lời NV 2	Kết quả trả lời nhiệm vụ 3	8,526	1,763	8,269	2,105	0,181
Thời gian NV 1	Thời gian nhiệm vụ 2	6,590	2,540	4,692	2,451	0,000
	Thời gian nhiệm vụ 3			3,256	1,990	0,000
Thời gian NV 2	Thời gian nhiệm vụ 3	4,692	2,451	3,256	1,990	0,000

Kiểm nghiệm Paired Samples T-Test, $\alpha = 95\%$

Nhận xét: thời gian thực hiện NV giảm dần ở những NV sau. Nhiệm vụ 1 trẻ có thời gian thực hiện NV đạt ĐTB cao nhất (ĐTB = 6,590, ĐLC = 2,540), nhiệm vụ 2 khi có sự phân phối chú ý, trẻ mất nhiều

thời gian hơn ($\bar{DTB} = 4,692$, $\bar{ĐLC} = 2,451$). Sự khác biệt trong thời gian giữa hai NV là có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} = 0,000$). Thời gian thực hiện nhiệm vụ 3 là nhiều nhất ($\bar{DTB} = 3,256$, $\bar{ĐLC} = 1,990$). Khác biệt về thời gian giữa NV 3 và NV 1, 2 là có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} = 0,000$). Một điểm đáng lưu ý, mặc dù thời gian thực hiện NV 2 và NV 3 là có sự khác nhau ý nghĩa, nhưng kết quả thực hiện NV 2 so với NV 3 thì không có sự khác nhau ý nghĩa về mặt thống kê ($\text{sig} = 0,181$). $\bar{DTB}$ kết quả NV 2 là 8,526 ($\bar{ĐLC} = 1,763$), $\bar{DTB}$ kết quả NV 3 là 8,269 ($\bar{ĐLC} = 2,105$). Điều này cho thấy, ở NV 3, với cùng một kết quả công việc như NV 2 thì trẻ phải mất nhiều thời gian hơn để thực hiện. Điều này cho thấy khi có sự phân phối chú ý cho nhiều đối tượng hơn, hiệu suất NV của trẻ giảm xuống. Kết quả và thời gian thực hiện NV 1 – khi không có sự phân phối chú ý – là cao điểm nhất (khác biệt có ý nghĩa thống kê, $\text{sig} = 0,000$). Nghĩa là, khi không có sự phân phối chú ý, hiệu suất NV của trẻ đạt cao hơn.

Như vậy, có thể kết luận, trong các nhiệm vụ đòi hỏi sự phân phối chú ý của bài tập “Tìm đường đi cho ếch”, trẻ thể hiện kết quả phân phối chú ý giảm về tốc độ xử lý nhiệm vụ và độ chuẩn xác trong thực hiện nhiệm vụ (so với khi không phân phối chú ý).

* Đối với bài tập “Nhiều hơn, ít hơn”, trẻ phải thực hiện 2 NV trên máy tính. Cả hai nhiệm vụ trẻ cần đếm sự xuất hiện của quả bóng và hạt xí ngầu trên màn hình để xác định vật nào xuất hiện nhiều lần hơn. NV 1, vật thể xuất hiện song song (cùng lúc). NV 2, vật thể xuất hiện lần lượt xen kẽ nhau từng loại một. Do vậy, đối với NV 2, trẻ cần thực hiện việc phân phối chú ý khi đếm. Nhiệm vụ 1 không có sự phân phối chú ý, được dùng để đối chiếu với NV 2. Do vậy, kết quả phân phối chú ý của bài tập này được xác định thông qua NV 2. Kết quả của của bài tập được trình bày trong bảng bên dưới:

Bảng 2.4. Sự phân phối chú ý của trẻ thể hiện qua NV “Nhiều hơn, ít hơn”

Bài tập “Nhiều hơn, ít hơn”			
Nhiệm vụ	$\bar{DTB}$	$\bar{ĐLC}$	Sig
Nhiệm vụ 1	9,077	2,081	0,000
Nhiệm vụ 2	6,310	2,717	

Nhận xét: NV 1 (khi chưa có sự phân phối chú ý), $\bar{DTB}$ trẻ đạt được là 9,077 ($\bar{ĐLC} = 2,081$), cao hơn rõ rệt so với nhiệm vụ 2 (khi có sự phân phối chú ý). $\bar{DTB}$ của NV 2 là 6,310 ($\bar{ĐLC} = 2,717$). Khác biệt có ý nghĩa thống kê, với $\text{sig} = 0,000$. Điều này chứng tỏ, khi thực hiện NV với sự phân phối chú ý, hiệu suất thể hiện của trẻ thấp hơn. Để thực hiện NV 2, trẻ cần

cùng lúc đếm xen kẽ sự xuất hiện của quả bóng và hạt xí ngầu bởi chúng xuất hiện xen kẽ nhau, không theo qui luật. Việc này đòi hỏi khả năng phân phối chú ý của trẻ. Trong khi đó, ở NV 1, hai vật xuất hiện cùng lúc, nên trẻ không cần sự phân phối chú ý mà chỉ cần tập trung quan sát sự xuất hiện đồng thời của chúng để ghi nhận kết quả. Quá trình quan sát cho thấy, NV 1 hầu hết trẻ đều thực hiện dễ dàng, nhưng với NV 2, nhiều trẻ thực sự gặp khó khăn. Những trẻ làm tốt NV 2 thường nhanh chóng áp dụng phương pháp đếm, hỗ trợ cho quá trình phân phối chú ý của trẻ thuận lợi hơn. Nhờ vậy, kết quả phân phối chú ý của trẻ cao hơn.

3. Kết luận

Trong hoạt động LQVBTTĐ, trẻ MG 5-6 tuổi đã thể hiện được sự phân phối chú ý của mình, sự phân phối chú ý của trẻ trong hoạt động đạt ở mức cao. Tuy nhiên, kết quả cho thấy trẻ vẫn còn gặp khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi sự phân phối chú ý, thể hiện qua việc giảm hiệu suất nhiệm vụ (giảm kết quả thực hiện và tốc độ thực hiện nhiệm vụ). Nhất là, tốc độ thực hiện NV của trẻ giảm đáng kể khi phân phối chú ý. Ngoài ra, khi trẻ phân phối chú ý cho nhiều đối tượng hơn, hiệu suất NV của trẻ thấp hơn so với khi phân phối chú ý cho ít đối tượng. Sự thể hiện phân phối chú ý của trẻ trong hoạt động LQVBTTĐ cho thấy tương thích với sự phát triển chú ý của trẻ trong lứa tuổi này. Điều đó chứng tỏ, hoạt động LQVBTTĐ là hoạt động có thể thu hút sự chú ý của trẻ.

Tài liệu tham khảo

1. Cueli, M., Areces, D., García, T., Alexandre, L. A., & González-Castro, P., (2020), “Attention, inhibitory control and early mathematical skills in preschool students.”, *Psicothema*, 237-244.
2. Douglas. H. Clements & J. Sarama (2019), “Executive Function and Early Mathematical Learning Difficulties”, *Springer International Publishing AG*, pp. https://doi.org/10.1007/978-3-319-97148-3_43.
3. LeFevre, Jo-Anne, Lindsay Berrigan, et al., (2013), “The role of executive attention in the acquisition of mathematical skills for children in Grades 2 through 4.”, *Journal of Experimental Child Psychology*, 243–261.
4. Passolunghi, M C, and H M Costa (2016), “Working memory and early numeracy training in preschool children.”, *Child Neuropsychology*, 81-88.
5. Yıldız Güven & Feride Gök Çolak (2019), “Difficulties of early childhood education teachers’ in mathematics activities,” *Acta Didactica Napocensia*, 89-106.